

# pháp luật đại cương

## I. MỐI QUAN HỆ HỮU CƠ GIỮA PHÁP LUẬT VÀ NHÀ NƯỚC

- Quan hệ qua lại: NN chỉ thực hiện quản lý xã hội theo đường lối của mình bằng hệ thống pháp luật. Pháp luật chỉ có ý nghĩa thực sự khi được nhà nước bảo đảm thực hiện bằng sức mạnh cưỡng chế, tổ chức....
- Quan hệ ràng buộc: Mặc dù pháp luật do Nhà nước đề ra nhưng khi được ban hành, pháp luật tác động trở lại đối với Nhà nước

## Chương 2: Những vấn đề chung về Nhà nước

## II. NGUỒN GỐC NHÀ NƯỚC

### 1 Các quan điểm giải thích nguồn gốc nhà nước

#### quan điểm duy tâm

##### *thuyết thần quyền*

- Thượng đế là người sắp đặt trật tự xã hội
- Nhà nước là do thượng đế sáng tạo ra để bảo vệ trật tự chung
- Quyền lực nhà nước là vĩnh cửu

##### *thuyết tâm lý*

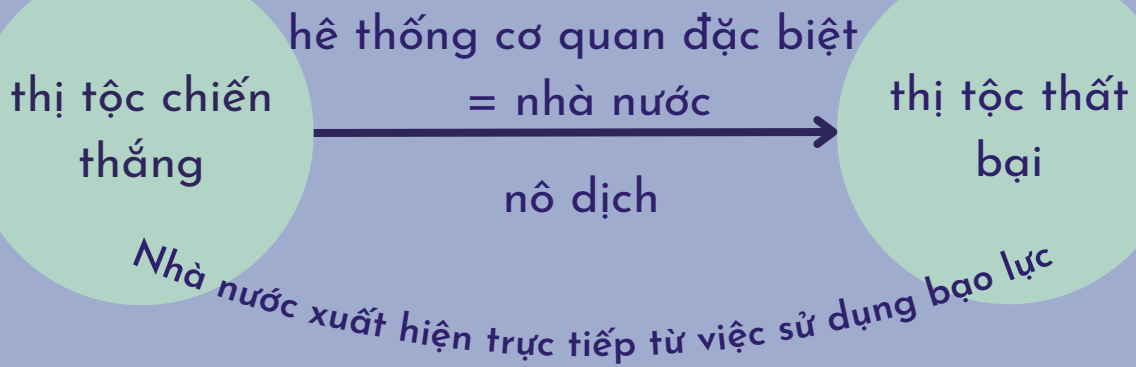
- Nhà nước là lực lượng siêu nhiên
- NN xuất hiện do nhu cầu về tâm lý của con người nguyên thủy luôn muốn phụ thuộc vào các thủ lĩnh, giáo sĩ...

##### *thuyết gia trưởng*

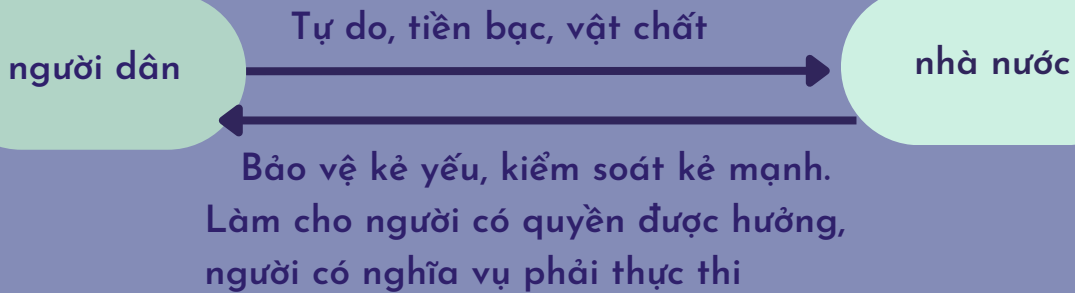
- Nhà nước là kết quả của sự phát triển của gia đình, là hình thức tự nhiên của cuộc sống con người
- Quyền gia trưởng của người đứng đầu

# quan điểm duy vật

## thuyết bạo lực



## Thuyết kế ước xã hội:

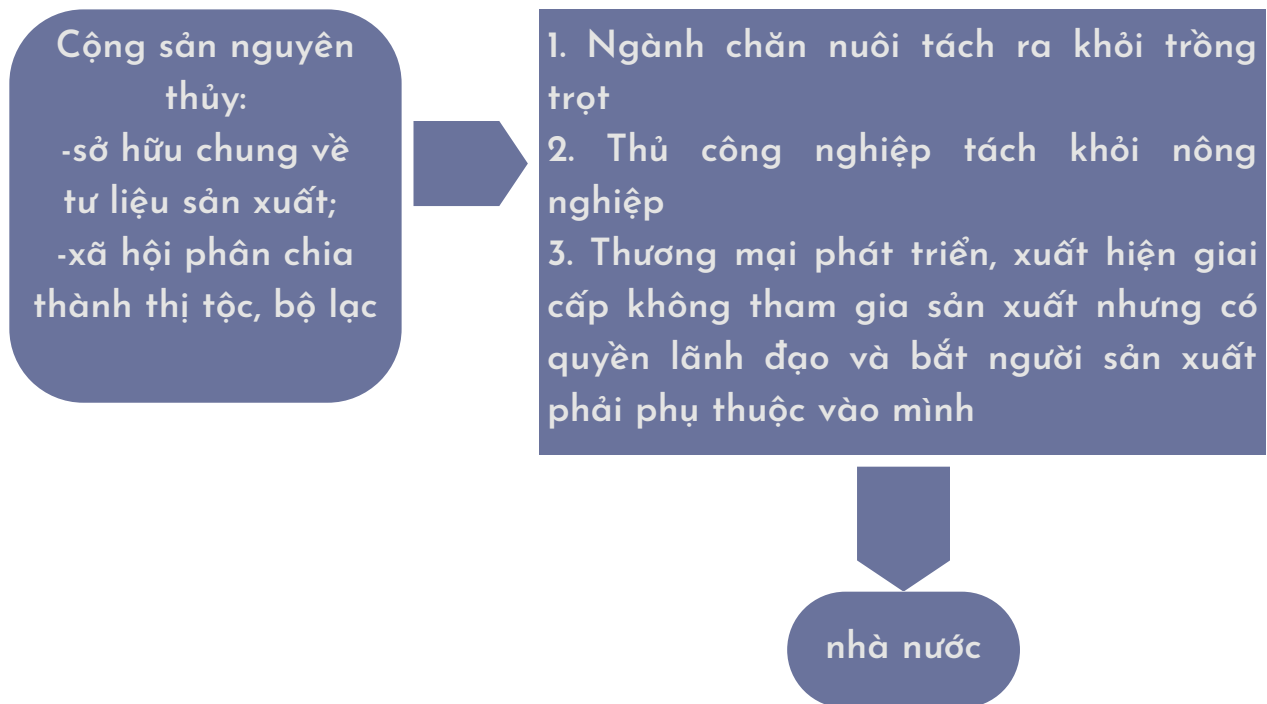


## thuyết mác lenin



## 2. sự ra đời của nhà nước

### 3 lần đại phân công lao động xã hội



## III. KHÁI NIỆM VÀ BẢN CHẤT CỦA NHÀ NƯỚC

### 1.khái niệm

Nhà nước là một tổ chức đặc biệt của quyền lực chính trị, có bộ máy chuyên làm nhiệm vụ cưỡng chế và thực hiện các chức năng quản lý đặc biệt nhằm duy trì trật tự xã hội, bảo vệ địa vị của giai cấp thống trị trong xã hội.

### 2.bản chất

*\*Tính giai cấp*

- Nhà nước chỉ ra đời và tồn tại trong xã hội có giai cấp
  - Nhà nước do giai cấp thống trị tổ chức nên
  - Nhà nước sinh ra để bảo vệ quyền lợi của giai cấp thống trị
  - Chỉ thông qua nhà nước, giai cấp thống trị mới:
- + Có thể duy trì quan hệ bóc lột về kinh tế
  - + Tổ chức và thực hiện được quyền lực chính trị của mình
  - + Xây dựng được hệ tư tưởng của mình trở thành hệ tư tưởng thống trị trong xã hội.

### **\*Tính xã hội**

- Ban hành pháp luật và có các biện pháp bảo đảm thi hành pháp luật.
- Ban hành các chính sách kinh tế vĩ mô, điều tiết, điều phối các chính sách kinh tế xã hội, đặc biệt trong nền kinh tế thị trường.
- Đầu tư, cung cấp hàng hoá dịch vụ xã hội cơ bản (cấp phép, kiểm dịch, kiểm định, giám sát, kiểm tra các lĩnh vực.v.v...)
- Giữ vai trò là người bảo vệ những nhóm người yếu thế và dễ bị tổn thương trong xã hội (người già, trẻ em, người tàn tật.v.v...)
- Hoạt động trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, giao thông; phòng chống thiên tai, bão lụt.v.v...

### **3. Đặc điểm của Nhà nước**

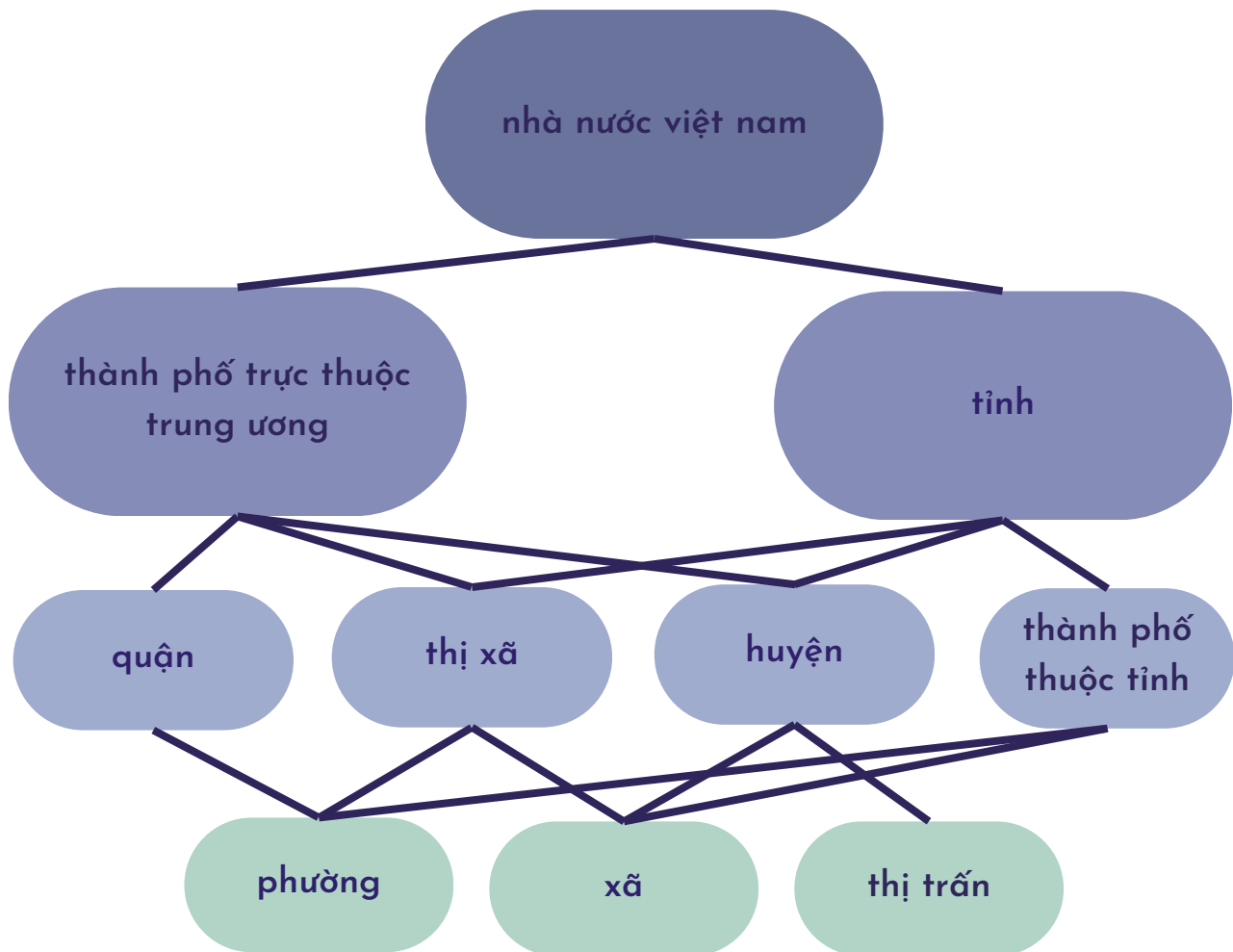
- Nhà nước thiết lập một quyền lực công cộng đặc biệt, không còn hòa nhập hoàn toàn với dân cư.
- Nhà nước phân chia dân cư theo lãnh thổ, tổ chức thành các đơn vị hành chính - lãnh thổ trong phạm vi biên giới quốc gia
- Nhà nước là tổ chức quyền lực mang chủ quyền quốc gia
- Nhà nước ban hành pháp luật và bảo đảm thực hiện pháp luật bằng tất cả sức mạnh của mình, đặc biệt là sức mạnh cưỡng chế
- Nhà nước quy định và thu các loại thuế dưới hình thức bắt buộc

#### **\*Phân chia và quản lý dân cư theo lãnh thổ**

- Lãnh thổ và dân cư là các yếu tố cấu thành quốc gia
- Nhà nước phân chia dân cư theo lãnh thổ thành các đơn vị hành chính
- Không phụ thuộc vào chính kiến, huyết thống, nghề nghiệp, giới tính,... mà theo địa bàn cư trú
- Khác biệt hoàn toàn với các tổ chức khác trong xã hội
- Mỗi quan hệ giữa người dân và nhà nước: chế định quốc tịch

# IV. LÃNH THỔ VIỆT NAM ( 58 tỉnh và 5 thành phố trực thuộc trung ương)

## *sơ đồ bộ máy hành chính*



## 1. Là tổ chức mang chủ quyền quốc gia

### tính tối cao

- Quyền lực nhà nước có hiệu lực trên toàn lãnh thổ đất nước, đối với toàn bộ dân cư
- Các công cụ tác động của quyền lực nhà nước không một tổ chức quyền lực xã hội nào có được

### tính độc lập

- Quyền tự quyết của nhà nước trong việc đề ra các chính sách
- Không phụ thuộc vào các yếu tố bên ngoài

### biên giới

- Trên bộ
- Trên không
- Trên biển

## 2. ban hành pháp luật và bảo đảm thực hiện

- Tổ chức duy nhất có quyền ban hành pháp luật và áp dụng pháp luật để quản lý xã hội
- Nhà nước ban hành pháp luật đồng thời phải tôn trọng pháp luật
- Pháp luật có tính bắt buộc chung và được nhà nước đảm bảo thực hiện bằng các biện pháp cưỡng chế

## 3. Quy định và thu các loại thuế

- Thuế là nguồn thu chủ yếu của nhà nước
- Mục đích: nuôi dưỡng bộ máy nhà nước
- Chỉ có nhà nước mới có độc quyền quy định các loại thuế và thu thuế

## V. CHỨC NĂNG CỦA NHÀ NƯỚC

- Chức năng của nhà nước là phương diện hoạt động chủ yếu của nhà nước nhằm thực hiện những nhiệm vụ đặt ra cho nhà nước.
- Chức năng đối nội là những mặt hoạt động chủ yếu trong nội bộ đất nước như: Bảo đảm trật tự an toàn xã hội, trấn áp những phần tử chống đối, quản lý các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội...
- Chức năng đối ngoại thể hiện những mặt hoạt động của nhà nước trong quan hệ với các nhà nước trên thế giới và các dân tộc khác như: Phòng thủ đất nước, thiết lập mối bang giao với các quốc gia khác.

### *\*Hình thức thực hiện chức năng*

Ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Chính phủ à Ủy ban à Quốc Hội

Thực hiện pháp luật

- Nhân dân: sử dụng, tuân thủ, thi hành pháp luật
- Các cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền: tổ chức và giám sát thực hiện

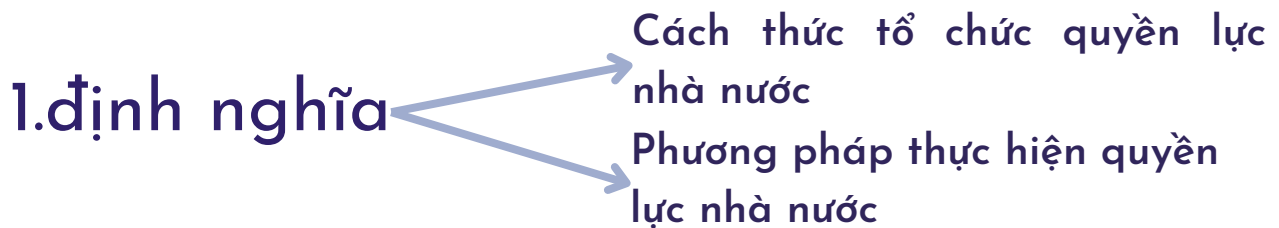
Bảo vệ pháp luật

Tòa án: Xét xử

## \* Chức năng của Nhà nước CHXHCN Việt Nam

- Chức năng kinh tế
- Chức năng xã hội
- Chức năng đối ngoại

## VI. HÌNH THỨC NHÀ NƯỚC



## 2. phân loại

### 2.1. hình thức chính thể

- Phản ánh cách thức thành lập và mối quan hệ giữa các cơ quan nhà nước cũng như thái độ của các cơ quan ấy đối với nhân dân.
- Chính thể quân chủ: người đứng đầu được lập nên qua hình thức thừa kế
- Chính thể cộng hòa: cơ quan quyền lực cao nhất được lập nên thông qua bầu cử

chính thể quân chủ	-Quân chủ tuyệt đối:	<ul style="list-style-type: none"><li>• Quyền lực tập trung trong tay người đứng đầu</li><li>• Mô hình tiêu biểu của xã hội phong kiến</li><li>• Ví dụ: Trung Quốc, Việt Nam, Nhật Bản thời trung đại</li></ul>
	Quân chủ hạn chế	<ul style="list-style-type: none"><li>• Quyền lực tối cao của nhà nước được trao một phần cho người đứng đầu nhà nước, còn một phần được trao cho một cơ quan cao cấp khác (như nghị viện trong nhà nước tư sản hoặc hội nghị đại diện đẳng cấp trong nhà nước phong kiến). Chính thể quân chủ hạn chế trong các nhà nước tư sản gọi là quân chủ lập hiến (quân chủ đại nghị).</li><li>• Ví dụ: Anh, Bỉ, Đan Mạch, Canada, Tây Ban Nha, Luxemburg, Nhật Bản, New Zealand</li></ul>

Chính thể cộng hòa	Cộng hoà quý tộc:	<ul style="list-style-type: none"><li>• Là hình thức chính thể trong đó cơ quan đại diện do giới quý tộc bầu ra.</li><li>• Ví dụ: Nhà nước Aten cổ đại, Nhà nước Cộng hòa quý tộc chủ nô Spac,</li></ul>	
	- Cộng hoà dân chủ là hình thức chính thể, trong đó người đại diện là do dân bầu ra.	Cộng hoà tổng thống	<ul style="list-style-type: none"><li>• Nguyên thủ quốc gia (Tổng thống) do dân bầu. Thực tế quyền lực của Tổng thống giống một ông vua, nhưng không do thế tập truyền ngôi mà do bầu cử.</li><li>• Tổng thống vừa là người đứng đầu nhà nước, đại diện cho đất nước về mặt đối nội đối ngoại, đồng thời cũng là người đứng đầu chính phủ. Tổng thống sẽ bổ nhiệm các thành viên của chính phủ</li><li>• Áp dụng triệt để học thuyết Tam quyền phân lập.</li><li>• Ví dụ: Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Uruguay, Brazil, Afghanistan, Colombia, Indonesia, Iran, Chile, Paraguay, Venezuela, Mexico, Nigeria, Philippines... Mỹ là điển hình cho loại hình chính thể này.</li></ul>
		cộng hoà đại nghị	<ul style="list-style-type: none"><li>• Nguyên thủ quốc gia (tổng thống) do nghị viện bầu. Nguyên thủ quốc gia được Hiến pháp quy định rất nhiều quyền hạn nhưng thực tế không trực tiếp tham gia vào các công việc của nhà nước.</li><li>• Chính phủ được thành lập từ đảng chiếm đa số ghế trong nghị viện và chịu trách nhiệm trước nghị viện. Nghị viện có quyền bất tín nhiệm chính phủ (thành lập chính phủ mới) và ngược lại chính phủ có quyền đề nghị nguyên thủ quốc gia giải tán nghị viện.</li><li>• Ví dụ: Đức, Áo, Séc, Italia, Singapore, Nam Phi...</li></ul>
		cộng hoà lưỡng tính	<ul style="list-style-type: none"><li>• Cộng hoà “lưỡng tính” nghĩa là vừa mang tính chất cộng hoà đại nghị, vừa mang tính chất cộng hoà tổng thống.</li><li>• Nguyên thủ quốc gia do dân bầu.</li><li>• Nghị viện có quyền bất tín nhiệm chính phủ và chính phủ cũng có quyền đề nghị nguyên thủ quốc gia giải tán nghị viện.</li><li>• Ví dụ: Pháp, Nga...</li></ul>



## 2.2 Hình thức cấu trúc nhà nước

- Là sự cấu tạo (tổ chức) nhà nước thành các đơn vị hành chính lãnh thổ và tính chất quan hệ giữa các bộ phận cấu thành nhà nước với nhau, giữa các cơ quan nhà nước ở trung ương với các cơ quan nhà nước ở địa phương.

- Có 2 loại: -Nhà nước đơn nhất  
-Nhà nước liên bang

### *\*Nhà nước đơn nhất*

- Có chủ quyền chung
- Có lãnh thổ toàn vẹn, thống nhất
- Các bộ phận hợp thành nhà nước không có chủ quyền riêng
- Có 1 hệ thống cơ quan thống nhất từ trung ương đến địa phương
- Có một hệ thống pháp luật thống nhất trên toàn lãnh thổ quốc gia
- Công dân thường có 1 quốc tịch
- Ví dụ: Việt Nam, Trung Quốc, Pháp, Anh ...

### *\*Nhà nước liên bang*

- Được thiết lập từ hai hay nhiều nhà nước thành viên
- Có chủ quyền chung nhưng mỗi nước thành viên đều có chủ quyền riêng
- Có 2 hệ thống các cơ quan nhà nước ( liên bang, nước thành viên)
- Có 2 hệ thống pháp luật
- Công dân mang hai quốc tịch
- Ví dụ: hiện có khoảng 28 nhà nước liên bang như Mỹ, Đức, Áo, Ấn Độ, Mexico, Brazil, ..
- Nhà nước liên bang cũng có thể tan rã thành các quốc gia độc lập như Nam Tư (1945-1992), Tiệp Khắc (1969-1992) và Liên Xô cũ (1922-1991).

## 2.3 Chế độ chính trị

- Chế độ chính trị là tổng thể các phương pháp, cách thức, phương tiện mà cơ quan nhà nước sử dụng để thực hiện quyền lực nhà nước.
- Chế độ chính trị của các nhà nước trong lịch sử rất đa dạng nhưng tựu trung lại thì có hai loại chính:
- Chế độ phản dân chủ (chế độ chuyên chế của chủ nô và phong kiến, chế độ phát xít)
- Chế độ dân chủ (chế độ dân chủ quý tộc, chế độ dân chủ tư sản, chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa).

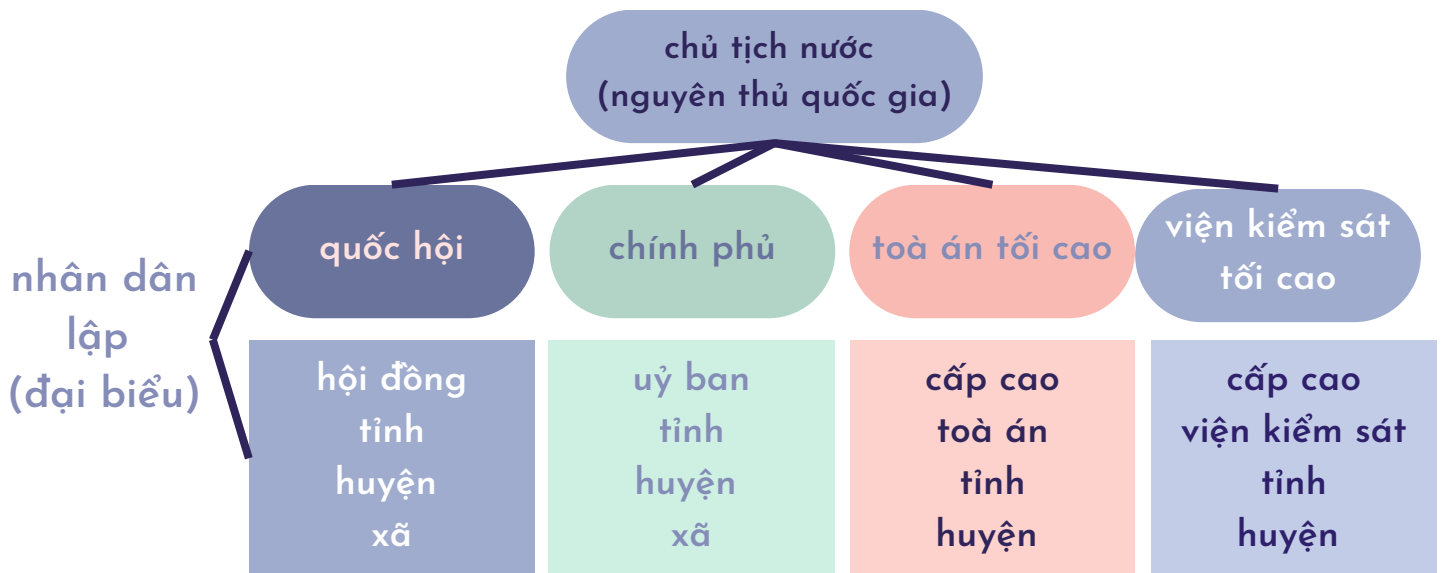
### *\*Phương pháp dân chủ*

- Là những cách thực hiện quyền lực NN, trong đó đảm bảo được địa vị làm chủ của nhân dân đối với quyền lực của NN, thể hiện qua các quyền của nhân dân trong việc hình thành bộ máy của nhà nước, tham gia vào các hoạt động của NN, kiểm tra, giám sát hoạt động của Bộ máy NN...
- Tương ứng là chế độ dân chủ: Chế độ dân chủ chủ nô, chế độ dân chủ Phong kiến, chế độ dân chủ tư sản, chế độ dân chủ XHCN.

### *\*Phương pháp phản dân chủ*

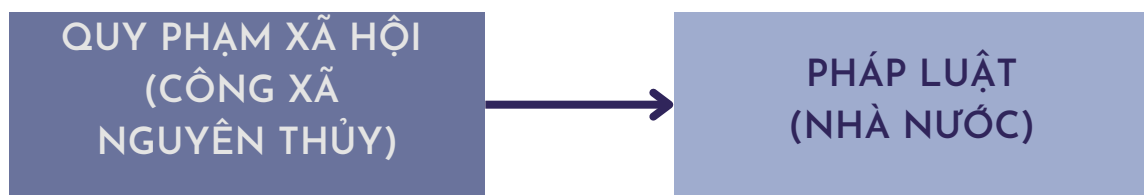
- Là những cách thức thực hiện quyền lực NN trong đó KHÔNG đảm bảo được quyền tự do của công dân, nguyên tắc NN thuộc về nhân dân.
- Tương ứng là chế độ phản dân chủ (chế độ độc tài chuyên chế chủ nô; chế độ độc tài chuyên chế phong kiến.....)

# Chương 3: Nhà nước CHXHCN Việt Nam



## Chương 4: Những vấn đề chung về Pháp luật

### I. NGUỒN GỐC PHÁP LUẬT



#### 1. Các quan điểm giải thích nguồn gốc pháp luật

##### *\*Quan điểm phi Mac – Xít*

- Duy tâm: Pháp luật là sản phẩm sáng tạo của thượng đế
- Luật tự nhiên: Pháp luật sinh ra như một lẽ tự nhiên: “ở đâu có xã hội, ở đó có pháp luật”

##### *\*Quan điểm Mac – Lênin*

- Pháp luật ra đời và tồn tại gắn liền với nhà nước và xã hội có giai cấp, là sản phẩm của sự phát triển xã hội vừa mang tính khách quan (sinh ra do nhu cầu đòi hỏi của xã hội) vừa mang tính chủ quan (phụ thuộc ý chí nhà nước)

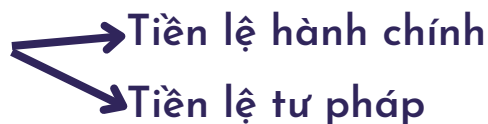
## 2. Con đường hình thành pháp luật (Nguồn của pháp luật)

### *\*Tập quán pháp:*

- những quy tắc xử sự do con người đặt ra để điều chỉnh hành vi của con người được truyền từ đời này sang đời khác trở thành những xử sự quen thuộc được nhà nước thừa nhận là pháp luật.
- Con đường đầu tiên và sớm nhất hình thành nên pháp luật
- Nguồn bổ trợ của pháp luật Việt Nam

### *\*Tiền lệ pháp*

Những quyết định hành chính hoặc những bản án của tòa án đã có hiệu lực pháp luật, trở thành khuôn mẫu để giải quyết những vụ việc tương tự



ÁN LỆ

### *\*Văn bản pháp luật*

- Văn bản pháp luật là những quyết định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, được thể hiện dưới hình thức văn bản theo những trình tự, thủ tục nhất định nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội mang tính bắt buộc chung và được nhà nước đảm bảo thực hiện.
- Nguồn chủ yếu và chính thống của PLVN
- Bộ luật thành văn đầu tiên của Việt Nam: Bộ luật Hình thư (thời Lý);

## II.KHÁI NIỆM

Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự do nhà nước đặt ra hoặc thừa nhận và đảm bảo thực hiện, nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội, hướng các quan hệ xã hội phát triển theo ý chí của nhà nước.

# III. BẢN CHẤT, THUỘC TÍNH VÀ CHỨC NĂNG

## 1. Bản chất

### *\*Bản chất giai cấp*

- Phản ánh ý chí của giai cấp thống trị
- Được quy định bởi điều kiện sinh hoạt vật chất của giai cấp thống trị
- Nâng ý chí của giai cấp thành ý chí nhà nước
- Cụ thể hóa trong các văn bản pháp luật
- Thể hiện khác nhau trong các kiểu pháp luật khác nhau

### *\*Tính xã hội*

- Công cụ ghi nhận, bảo vệ lợi ích của các giai cấp, tầng lớp khác
- “nhà nước hóa” những nhu cầu, đòi hỏi mang tính khách quan của các quan hệ xã hội cơ bản
- Công cụ điều chỉnh các quan hệ xã hội, hành vi của con người
- Quy phạm pháp luật xét đến cùng là sự ghi nhận cách xử sự hợp lý, được đa số cá nhân trong xã hội thừa nhận, phù hợp với số đông

### *\*Tính dân tộc, tính mở, tính nhân loại*

### *\*Bản chất pháp luật XHCN*

- Pháp luật XHCN là một hệ thống quy tắc xử sự có tính thống nhất nội tại cao, cao hơn bất kỳ một kiểu pháp luật nào khác, bởi nó được xây dựng trên cơ sở của quan hệ kinh tế XHCN định hướng XHCN.
- Thể hiện ý chí của giai cấp công nhân và đông đảo nhân dân lao động
- Do nhà nước XHCN - nhà nước dân chủ, thể hiện quyền lực đông đảo của nhân dân lao động ban hành và đảm bảo thực hiện. Trong xã hội chỉ có duy nhất 1 hệ thống pháp luật. Chủ yếu sử dụng biện pháp giáo dục, thuyết phục bên cạnh biện pháp cưỡng chế.
- Có quan hệ chặt chẽ với chế độ kinh tế XHCN; đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng; các quy phạm xã hội khác.

## 2. Thuộc tính của pháp luật

Thuộc tính của pháp luật là những dấu hiệu đặc trưng riêng có của pháp luật để qua đó phân biệt pháp luật với các hiện tượng xã hội khác như đạo đức, tập quán, tôn giáo..., là sự biểu hiện sức mạnh, uy thế của pháp luật trong hệ thống các loại công cụ điều chỉnh xã hội.

### *\*Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức*

- Nội dung của pháp luật phải được thể hiện dưới những hình thức nhất định, bằng ngôn ngữ pháp lý rõ ràng, chính xác
- Do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận
- Là điều kiện để phân biệt giữa pháp luật với những quy định ko phải là pháp luật

### *\*Tính quy phạm phổ biến, bắt buộc chung*

- Quy phạm là tế bào của pháp luật, chứa đựng những thuộc tính, khuôn mẫu, mô hình xử sự chung được xã hội thừa nhận
- Quy phạm pháp luật được áp dụng nhiều lần, chỉ bị điều chỉnh khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền hủy bỏ sửa đổi, bổ sung
- Quy phạm pháp luật ko phải xuất phát từ 1 trường hợp cụ thể mà là sự khái quát hóa từ rất nhiều những trường hợp có tính phổ biến trong xã hội, làm cho quy định pháp luật có tính khái quát cao, phổ biến
- Trong cùng 1 phạm vi ko gian, thời gian mà pháp luật tác động thì bất cứ cá nhân, tổ chức nào cũng đều chịu sự chi phối của pháp luật, ko có ngoại lệ

### *\*Được nhà nước đảm bảo thực hiện bằng biện pháp cưỡng chế*

- Cưỡng chế nhà nước là sử dụng sức mạnh của nhà nước để buộc các cá nhân, tổ chức trong xã hội phục tùng ý chí nhà nước.
- Pháp luật do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận nên được đảm bảo thực hiện bằng sức mạnh cưỡng chế của quyền lực nhà nước, có như vậy pháp luật mới trở thành quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung và là công cụ hữu hiệu trong tay nhà nước để quản lý xã hội
- Cưỡng chế mang tính trừng phạt
- Cưỡng chế ko mang tính trừng phạt

### 3. Chức năng của pháp luật

là những phương diện (mặt) tác động của pháp luật tới các quan hệ xã hội quan trọng nhất mà pháp luật điều chỉnh, thể hiện bản chất, điều kiện tồn tại thực tế và giá trị xã hội của pháp luật

#### *Chức năng điều chỉnh*

- Tạo điều kiện cho các quan hệ xã hội phát triển theo chiều hướng nhất định.
- Pháp luật làm nhiệm vụ trật tự hóa các quan hệ xã hội
- Pháp luật tác động đến hành vi con người

#### *Chức năng bảo vệ*

- Bảo đảm trật tự hệ thống các quan hệ xã hội
- Quy định những phương tiện nhằm mục đích bảo vệ các quan hệ xã hội

#### *Chức năng giáo dục*

- Tác động tới ý thức và tâm lý con người
- Hình thành tư duy pháp lý và nhân sinh quan pháp lý phù hợp yêu cầu pháp luật

### 4. Các mối liên hệ của pháp luật (đọc slide 68-74)

### 5. Hình thức của pháp luật

- Dùng để chỉ **ranh giới tồn tại** của pháp luật trong hệ thống các quy phạm xã hội
- Là **hình thức biểu hiện ra bên ngoài** của pháp luật
- Là **phương thức tồn tại, dạng tồn tại thực tế** của pháp luật
- 2 hình thức

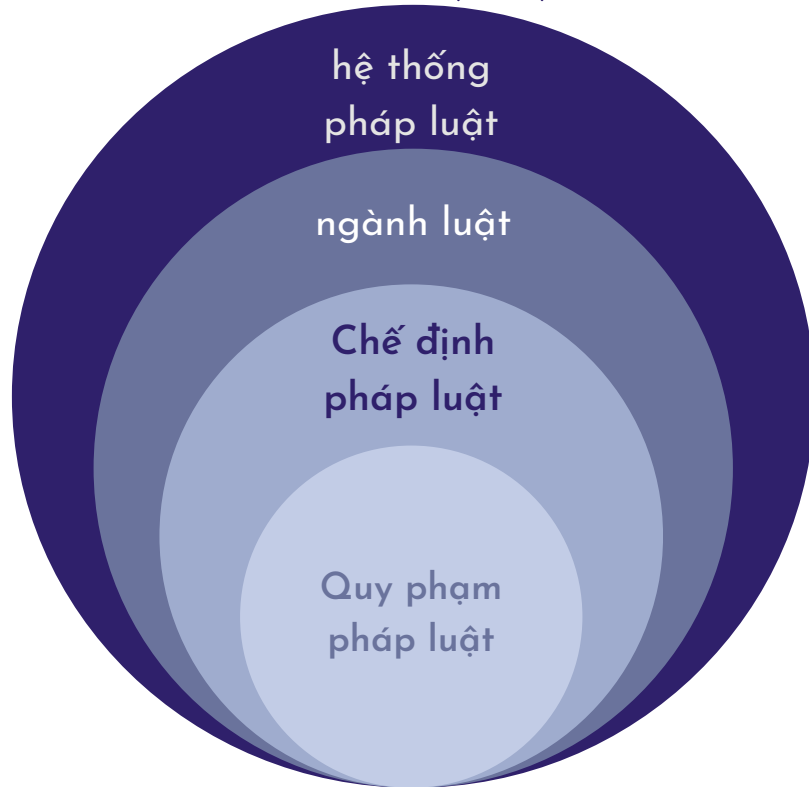
#### Hình thức bên trong (Hình thức nội tại)

- Các yếu tố cấu thành hệ thống pháp luật
- Bao gồm: 1. Nguyên tắc pháp luật  
2. Cấu trúc pháp luật

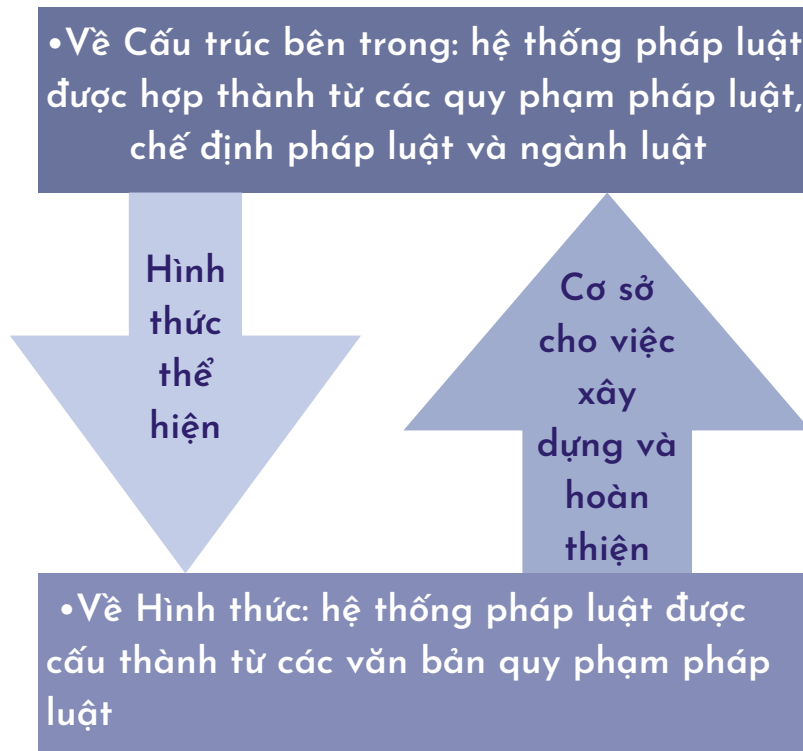
#### Hình thức bên ngoài (Nguồn pháp luật)

- Là sự thể hiện ra bên ngoài, dạng tồn tại trong thực tế của các quy phạm pháp luật
- Bao gồm: Tập quán pháp, tiền lệ pháp, VBPL
- Ngoài ra: quy phạm tôn giáo (pháp luật đạo Hồi), học thuyết, tư tưởng, quan điểm pháp luật

## Cấu trúc của pháp luật



## \*Hệ thống pháp luật

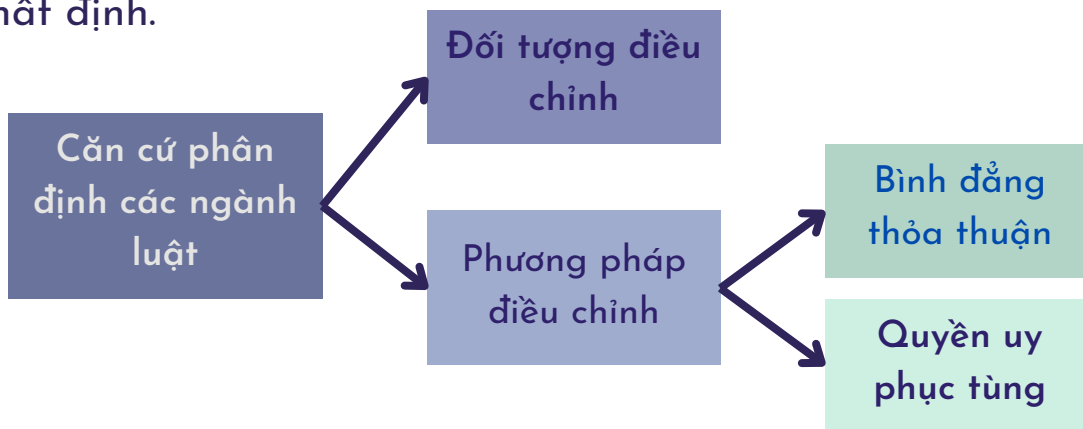


- Là **một chỉnh thể thống nhất** cấu thành bởi các ngành luật, các chế định pháp luật khác nhau **điều chỉnh những lĩnh vực, nhóm quan hệ xã hội cùng loại** (cùng nội dung, đặc điểm tính chất) đặt trên cơ sở những nguyên tắc thống nhất của một quốc gia.
- Ví dụ: Hệ thống pháp luật XHCN, tư sản, Common Law, Civil Law



### \*Ngành luật

Hệ thống các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội trong một lĩnh vực nhất định với những phương pháp điều chỉnh nhất định.



### \*Chế định pháp luật

- Là hệ thống các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội cùng loại có mối liên hệ mật thiết với nhau trong cùng một ngành luật.
- Ví dụ: Luật hình sự có các chế định như hình phạt, các tội xâm phạm an ninh quốc gia...

### \*Quy phạm pháp luật

Quy phạm pháp luật là những **quy tắc xử sự có tính chất khuôn mẫu, bắt buộc mọi chủ thể phải tuân thủ**, được biểu thị bằng hình thức nhất định, do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận, được nhà nước bảo vệ bằng các biện pháp cưỡng chế của nhà nước nhằm mục đích điều chỉnh các quan hệ xã hội

## 6. Quy phạm pháp luật

### \*Đặc điểm quy phạm pháp luật

- Thể hiện ý chí của nhà nước, là mệnh lệnh của nhà nước
- Có tính phổ biến, bắt buộc chung
- Được thể hiện dưới những hình thức nhất định, đảm bảo tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức
- Được nhà nước ban hành hoặc thừa nhận và bảo đảm thực hiện

## *\*Cấu trúc của quy phạm pháp luật*

### **GIẢ ĐỊNH**

- Xác định môi trường tác động của QPPL
- Nêu địa điểm, thời gian, chủ thể, điều kiện, hoàn cảnh, tình huống thực tế của QPPL
- (Hoàn cảnh áp dụng?)

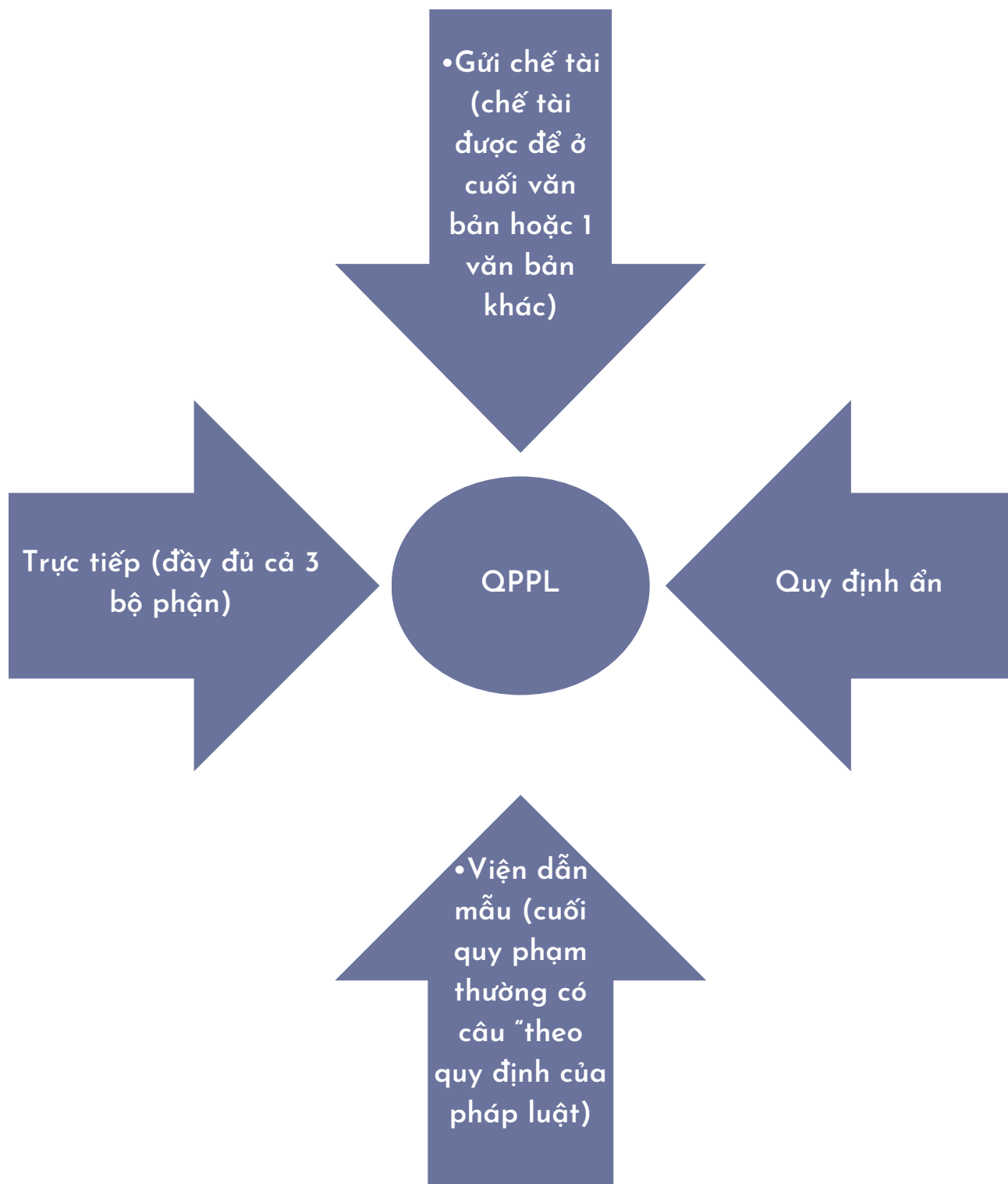
### **QUY ĐỊNH**

- Là yếu tố trung tâm của QPPL
- Nêu quy tắc xử sự mà chủ thể phải tuân theo khi gặp hoàn cảnh mà nhà làm luật đã dự liệu ở phần giả định
- (Cách xử sự mà nhà nước yêu cầu?)

### **CHẾ TÀI**

- Là hậu quả bất lợi mà chủ thể phải gánh chịu khi vi phạm pháp luật
- Nêu những biện pháp tác động mà nhà nước dự kiến áp dụng đối với chủ thể không thực hiện đúng phần quy định
- (Biện pháp xử lý khi không thực hiện quy định?)

## *\*Phương thức thể hiện quy phạm pháp luật*



## 7. Văn bản pháp luật

- Là văn bản do cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền ban hành theo những trình tự và thủ tục nhất định
- Văn bản pháp luật gồm 3 dạng:

### *Văn bản pháp luật chủ đạo*

- Do cơ quan nhà nước ban hành
- Đề ra những đường lối, chủ trương, chính sách, nhiệm vụ lớn có tính chính trị pháp lý của quốc gia và địa phương

### *Văn bản áp dụng QPPL (VBPL cá biệt)*

- Do cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền ban hành
- Căn cứ vào văn bản quy phạm pháp luật để ban hành và giải quyết những vụ việc cụ thể, trường hợp cụ thể

### *Văn bản quy phạm pháp luật*

☛ Định nghĩa - Là hình thức thể hiện các quyết định pháp luật

- do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành
- theo trình tự và thủ tục nhất định
- chứa đựng những quy tắc xử sự chung
- nhằm điều chỉnh 1 loạt quan hệ xã hội nhất định
- được áp dụng nhiều lần trong thực tiễn đời sống

Việc áp dụng không làm chấm dứt hiệu lực của VBQPPL

☛ Phân loại: - Văn bản luật: do Quốc Hội ban hành, bao gồm: Hiến pháp và các bộ luật

- Văn bản dưới luật: do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành

☛ Các văn bản luôn là VBQPPL: Hiến pháp; Luật; Pháp lệnh; Nghị định; Thông tư

## Văn bản quy phạm pháp luật

### Văn bản luật

- là văn bản QPPL do Quốc hội ban hành.
- có giá trị pháp lý cao nhất
- Hiến pháp - có giá trị pháp lý cao nhất
- Các đạo luật, bộ luật: luật dân sự, luật doanh nghiệp, luật thương mại,...

### Văn bản dưới luật

- Pháp lệnh, NQ của UBTVQH
- Lệnh, QĐ của CTN
- Nghị định của CP
- Quyết định của TTG
- Thông tư của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ
- Nghị quyết của HĐTP TANDTC
- Thông tư của CA TANDTC, VT VKSNDTC
- Quyết định của TKTNN
- VBQPPL liên tịch
- Nghị quyết của HĐND
- Quyết định, chỉ thị của UBND

### Hiệu lực của VBQPPL

Là phạm vi tác động của VBPL đó, bao gồm giới hạn về không gian, thời gian và đối tượng pháp luật

#### Hiệu lực theo thời gian

(i) Là thời điểm phát sinh và chấm dứt hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật  
(ii) Hiệu lực hồi tố  
(iii) Nguyên tắc áp dụng

#### Hiệu lực theo không gian

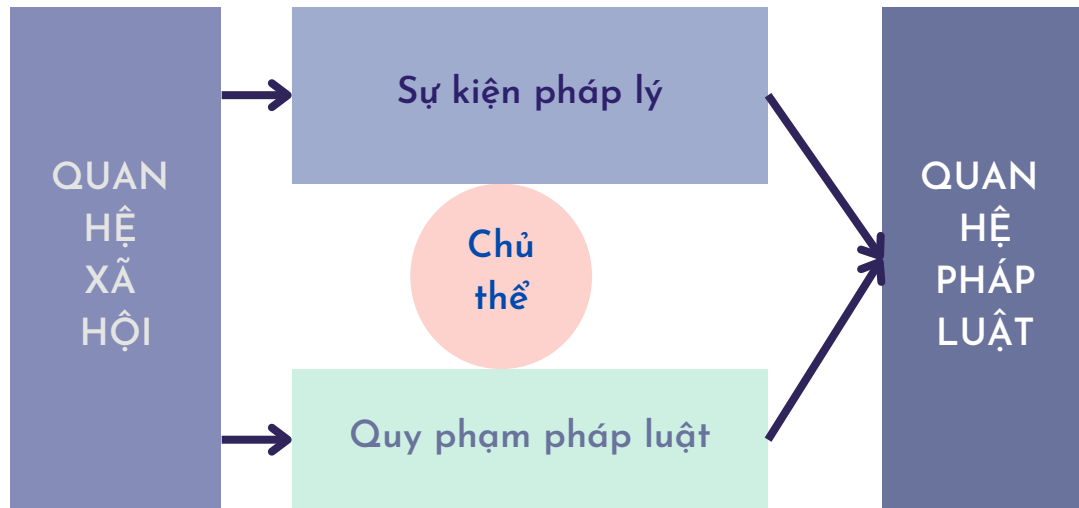
Là giới hạn phạm vi lãnh thổ mà văn bản đó có hiệu lực

#### Hiệu lực theo đối tượng

Áp dụng đối với tất cả cá nhân, tổ chức thuộc đối tượng điều chỉnh của VBQPPL

## 8. Quan hệ pháp luật

QHPL là hình thức pháp lý của các quan hệ xã hội, xuất hiện khi các quan hệ xã hội được một quy phạm pháp luật tương ứng điều chỉnh và các chủ thể tham gia vào các quan hệ pháp luật này đều có những quyền và nghĩa vụ pháp lý đã được quy phạm pháp luật đó dự liệu.



Quan hệ xã hội	Quan hệ pháp luật
Luôn tồn tại khách quan	Thuộc phạm trù chủ quan, xuất hiện trên cơ sở ý chí của nhà làm luật
Được nhiều khoa học xã hội khác nhau nghiên cứu	Là đối tượng nghiên cứu của khoa học pháp lý
Là nội dung vật chất của quan hệ pháp luật	Là hình thức pháp lý của quan hệ xã hội, xuất hiện dưới tác động điều chỉnh của các quy phạm pháp luật.
	Có vai trò quan trọng làm trật tự hóa các quan hệ xã hội, hướng nó phát triển phù hợp với ý định của nhà làm luật

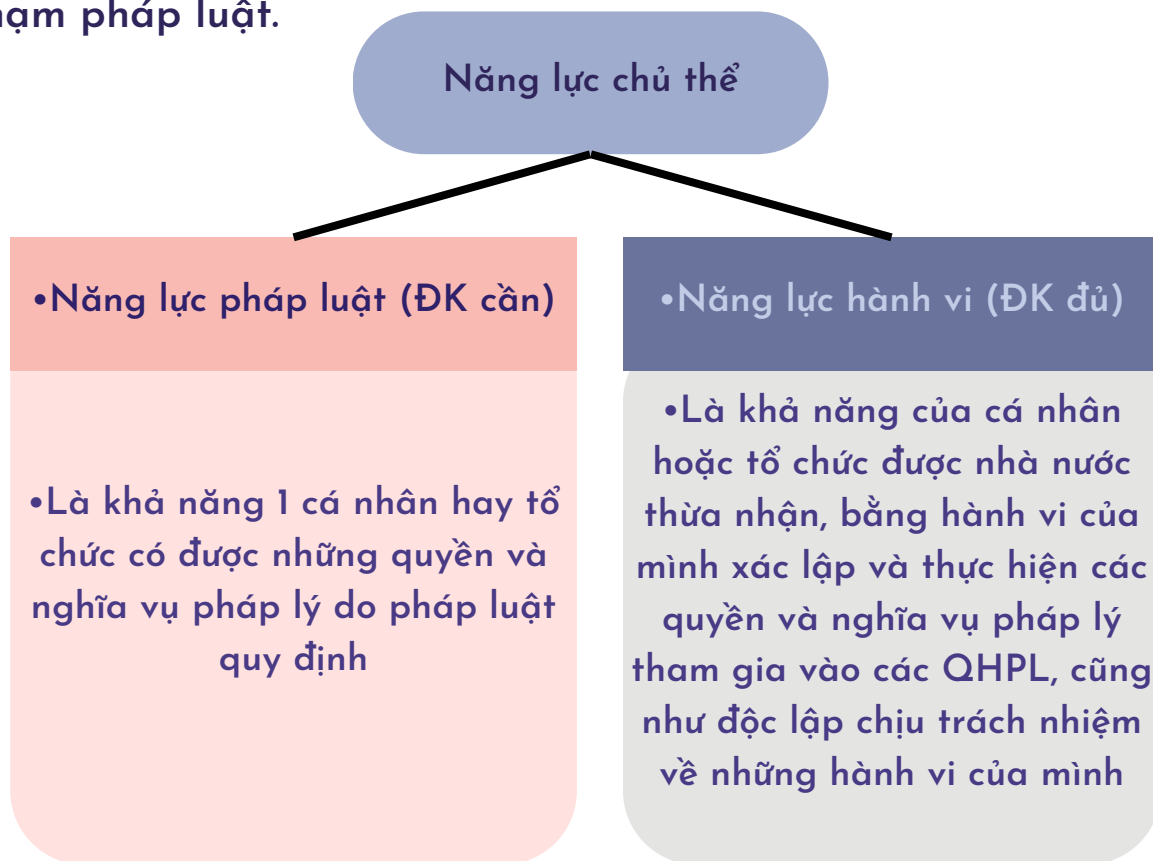
## a) Đặc điểm

- Mang tính ý chí
- Chịu sự chi phối của cơ sở kinh tế
- Được hình thành trên cơ sở quy phạm pháp luật
- Chủ thể QHPL mang quyền, nghĩa vụ pháp lý mà QPPL dự kiến trước
- Được bảo đảm thực hiện bằng nhà nước
- Mang tính xác định cụ thể

## b) Cơ cấu

### \* Chủ thể của QHPL

Chủ thể quan hệ pháp luật là những cá nhân và tổ chức có năng lực trở thành các bên tham gia quan hệ pháp luật có được các quyền chủ thể và nghĩa vụ pháp lý trên cơ sở quy phạm pháp luật.



### + Cá nhân

- Gồm: công dân nước sở tại, công dân nước ngoài và người ko có quốc tịch đang công tác, làm ăn, sinh sống tại nước sở tại.
- Để trở thành chủ thể QHPL, cá nhân phải có đủ NLPL và NLHV

## + Tổ chức

- Năng lực pháp luật và NLHV của tổ chức xuất hiện đồng thời ở thời điểm tổ chức đó được thành lập hợp pháp hoặc được công nhận hợp pháp và mất đi khi tổ chức ấy chấm dứt sự tồn tại trong các trường hợp như giải thể, phá sản, chia tách, sáp nhập
- Nhà nước
- Pháp nhân - Tư cách pháp nhân
  1. Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập, cho phép thành lập, đăng ký, công nhận
  2. Có cơ cấu tổ chức chặt chẽ
  3. Có tài sản độc lập, chịu trách nhiệm bằng tài sản đó
  4. Nhân danh mình tham gia các QHPL một cách độc lập

### *\*Nội dung của QHPL*

- là quyền và nghĩa vụ của chủ thể khi tham gia QHPL.
- Quyền chủ thể
  - là khả năng xử sự của chủ thể được pháp luật cho phép trong QHPL
    - + Là khả năng của chủ thể được hành động trong khuôn khổ do pháp luật quy định trước
    - + Khả năng của chủ thể yêu cầu các chủ thể có liên quan thực hiện nghĩa vụ (thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của họ hoặc chấm dứt những hành vi cản trở) nhằm đảm bảo việc thực hiện quyền chủ thể của mình.
    - + Khả năng của chủ thể yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền bảo vệ quyền, lợi ích của mình, bằng cách thực hiện sự cưỡng chế cần thiết đối với bên kia để họ thực hiện nghĩa vụ trong trường hợp quyền của mình bị vi phạm



- Nghĩa vụ pháp lý
  - Là cách xử sự mà nhà nước bắt buộc chủ thể phải tiến hành theo quy định của pháp luật nhằm đáp ứng việc thực hiện quyền của chủ thể khác
  - Đặc điểm của nghĩa vụ pháp lý
    - + Chủ thể bắt buộc phải thực hiện những xử sự nhất định do pháp luật quy định
    - + Cách xử sự này nhằm đáp ứng quyền của chủ thể kia
    - + Được đảm bảo thực hiện bằng cưỡng chế nhà nước
    - + Chủ thể phải chịu trách nhiệm pháp lý khi không thực hiện nghĩa vụ

### *\*Khách thể của QHPL*

- Khách thể của QHPL là những gì mà QHPL đó hướng tới và các bên tham gia mong muốn đạt được nhằm thỏa mãn các lợi ích và nhu cầu của mình khi tham gia QHPL
- Hướng tới: Hành vi của chủ thể
  - Lợi ích tinh thần
  - Lợi ích vật chất
  - Giá trị xã hội
- Khách thể của QHPL phản ánh lợi ích của chủ thể. Khách thể là yếu tố thúc đẩy chủ thể tham gia QHPL. Sự quan tâm nhiều hay ít của chủ thể QHP đối với khách thể là động lực thúc đẩy sự phát sinh, tồn tại hay chấm dứt QHPL.

## 9. Thực hiện pháp luật

### *\*Khái niệm*

- Thực hiện pháp luật: bằng những hành vi cụ thể làm cho pháp luật (quy định pháp luật) trở thành hiện thực trong cuộc sống
- Dấu hiệu
  1. Hành vi xác định hay xử sự thực tế
  2. Hành vi hợp pháp
  3. Hành vi của chủ thể có năng lực hành vi
- Thực hiện pháp luật là quá trình hoạt động có tổ chức mà các chủ thể pháp luật bằng hành vi của mình thực thi các quy định pháp luật trong thực tế đời sống.

### *\*Các hình thức thực hiện*

- Tuân thủ pháp luật: Thực hiện những quy phạm pháp luật mang tính chất ngăn cấm bằng hành vi thụ động, trong đó chủ thể pháp luật kiềm chế không làm những việc mà pháp luật cấm (quy phạm cấm đoán)
- Chấp hành pháp luật: Thực hiện những quy định trao nghĩa vụ bắt buộc của pháp luật một cách tích cực, trong đó các chủ thể thực hiện nghĩa vụ bằng những hành vi tích cực (Quy phạm bắt buộc)
- Sử dụng pháp luật: Thực hiện những quy định về quyền chủ thể của pháp luật, trong đó các chủ thể pháp luật chủ động, tự mình quyết định việc thực hiện hay không thực hiện điều mà pháp luật cho phép (Quy phạm trao quyền)
- Áp dụng pháp luật: Nhà nước thông qua các cơ quan có thẩm quyền hoặc nhà chức trách tổ chức cho các chủ thể thực hiện những quy định của pháp luật một cách đầy đủ và nghiêm chỉnh.

## 10. Vi phạm pháp luật & Trách nhiệm pháp lý

### a) VPPL

#### *\* Khái niệm*

- Không thực hiện các quy định của pháp luật
- Thực hiện ko đúng các quy định của pháp luật
- Thực hiện những quy định cấm của pháp luật

#### *\* dấu hiệu*

Hành vi + Trái pháp luật + Lỗi + Chủ thể có năng lực TNPL = VPPL

## \*Các yếu tố cấu thành

### Mặt khách quan

- Là những biểu hiện ra bên ngoài của VPPL mà con người có thể nhận thức được bằng trực quan sinh động

Hành vi	<ul style="list-style-type: none"><li>trái pháp luật,</li><li>thể hiện dưới dạng hành động hoặc ko hành động,</li><li>gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại cho xã hội</li></ul>
Hậu quả	<ul style="list-style-type: none"><li>sự thiệt hại cho xã hội: là những tổn thất thực tế về mặt vật chất, tinh thần mà xã hội phải gánh chịu</li><li>hoặc nguy cơ tất yếu xảy ra thiệt hại về vật chất hoặc tinh thần nếu hành vi trái pháp luật ko được ngăn chặn kịp thời</li></ul>
Quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả	Hành vi trái pháp luật là nguyên nhân trực tiếp phát sinh hậu quả, sự thiệt hại của xã hội đóng vai trò là kết quả tất yếu

- Ngoài ra: thời gian, địa điểm thực hiện hành vi vi phạm, công cụ thực hiện hành vi vi phạm, phương tiện thực hiện hành vi vi phạm

### Mặt chủ quan của VPPL

- là trạng thái tâm lý bên trong của chủ thể vi phạm pháp luật
- Lỗi: trạng thái tâm lý phản ánh thái độ tiêu cực của chủ thể đối với hành vi trái pháp luật của mình và hậu quả do hành vi đó gây ra

Cố ý trực tiếp	Cố ý gián tiếp	Vô ý do cầu thả	Vô ý do cầu thả
Người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó và mong muốn hậu quả xảy ra	Người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó có thể xảy ra, tuy không mong muốn nhưng vẫn có ý thức để mặc cho hậu quả xảy ra	Người phạm tội không thấy trước hành vi của mình có thể gây ra hậu quả nguy hại cho xã hội, mặc dù phải thấy trước và có thể thấy trước hậu quả đó	Người phạm tội tuy thấy trước hành vi của mình có thể gây ra hậu quả nguy hại cho xã hội nhưng cho rằng hậu quả đó sẽ không xảy ra hoặc có thể ngăn ngừa được

- Động cơ: nguyên nhân bên trong thôi thúc chủ thể thực hiện hành vi vi phạm pháp luật
- Mục đích: kết quả cuối cùng mà chủ thể mong muốn đạt được khi thực hiện hành vi vi phạm

## Chủ thể

- Cá nhân + tổ chức có năng lực trách nhiệm pháp lý
- Năng lực trách nhiệm pháp lý là khả năng của chủ thể tự chịu trách nhiệm về hành vi của mình trước Nhà nước

## Khách thể

- Những quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ nhưng bị hành vi vi phạm pháp luật xâm hại
- Tính chất của khách thể bị xâm hại phản ánh mức độ nguy hiểm của hành vi vi phạm pháp luật

## Chương 5: hệ thống pháp luật

### I. CÁC HỆ THỐNG PHÁP LUẬT TRÊN THẾ GIỚI

#### 1. Hệ thống pháp luật Anh - Mỹ (Thông luật/ luật chung - Common Law)

- Ra đời ở Anh, sau phát triển ở Mỹ và những nước là thuộc địa của Anh, Mỹ trước đây
- Hệ thống pháp luật phát triển từ tập quán, coi trọng tiền lệ.
- Sơu tầm, chọn lọc án lệ dưới thời vua Henry II (1066)

- Án lệ - nguồn chính

#### 2. Hệ thống pháp luật châu Âu lục địa (Dân luật - Civil law)

- vn theo
- thuộc pháp đức
- nguồn chủ yếu: luật thành văn

#### 3 hệ thống pháp luật hồi giáo (islamic law)

- Đạo Hồi là 1 trong 3 tôn giáo lớn nhất trên thế giới
- Một quốc gia thuộc hệ thống luật hồi giáo phải thỏa mãn:
  1. Đạo Hồi là quốc đạo của quốc gia
  2. Quốc gia lấy các quy định trong Kinh thánh của Đạo Hồi làm luật
- Hệ thống pháp luật Islamic được gọi là Shari'ah, theo tiếng Ả Rập có nghĩa là "con đường đúng" hoặc là "sự hướng dẫn"

Tiêu chí	Common law	Civil law
Nguồn luật	Chủ yếu là án lệ	Chủ yếu là luật thành văn
Tính chất pháp điển hóa	Quan niệm: luật pháp được hình thành từ tục lệ - Cụ thể, phù hợp với sự phát triển các quan hệ xã hội - Khó phân chia	-Quan niệm: luật pháp phả từ các chế định cụ thể -Khái quát hóa, ổn định cao - Chia thành luật công và luật tư
Thủ tục tố tụng	- Tố tụng tranh tụng - Tòa án được coi là cơ quan làm luật lần thứ hai, sáng tạo ra án lệ	- Tố tụng thẩm vấn/ tố tụng viết - Chỉ có Nghị viện mới có quyền lập pháp, Tòa án chỉ là cơ quan áp dụng pháp luật
Vai trò luật sư và thẩm phán	- Luật sư, thẩm phán rất được coi trọng - Thẩm phán hầu hết được chọn từ những luật sư danh tiếng, được quyền sáng tạo luật khi xét xử	- Luật sư ít được coi trọng - Thẩm phán được đào tạo theo một quy trình riêng, chỉ tiến hành xét xử mà không được sáng tạo luật

## II. CÁC HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VN

### 1. Ngành Luật Dân sự

#### a) *Khái niệm*

Luật dân sự là tổng thể quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân nhất định trong xã hội

## b) Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh

Phương pháp điều chỉnh	<ul style="list-style-type: none"><li>• Bình đẳng, thỏa thuận</li><li>• Tự chịu trách nhiệm bằng tài sản</li></ul>
Đối tượng điều chỉnh	<ul style="list-style-type: none"><li>• Quan hệ tài sản: là những quan hệ xã hội gắn liền và thông qua 1 tài sản dưới dạng 1 tư liệu sản xuất, 1 tư liệu tiêu dùng hoặc dịch vụ tạo ra 1 tài sản nhất định</li><li>• Quan hệ nhân thân:<ul style="list-style-type: none"><li>- là những quan hệ xã hội phát sinh từ một giá trị tinh thần (giá trị nhân thân) của 1 cá nhân hay 1 tổ chức và luôn luôn gắn liền với một chủ thể nhất định. Quyền này không dịch chuyển được</li><li>- Gồm: liên quan đến tài sản và không liên quan đến tài sản</li></ul></li></ul>

## c) Nguồn và hệ thống pháp luật

### \*Nguồn

- Hiến pháp 1992
- Bộ luật dân sự 2005
- Các đạo luật và nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan do các cơ quan nhà nước trung ương ban hành như Luật sở hữu trí tuệ năm 2005, Luật doanh nghiệp năm 2005, Luật hôn nhân và gia đình năm 2000
- Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên
- Một số tập quán quốc tế

### \*Hệ thống

- Phần chung là phần quy định về nhiệm vụ, những nguyên tắc cơ bản của luật dân sự, xác định địa vị pháp lý của các loại chủ thể trong quan hệ pháp luật dân sự và những vấn đề chung nhất của luật dân sự như vấn đề thời hạn, thời hiệu.
- Phần riêng bao gồm những quy phạm pháp luật được sắp xếp thành các chế định pháp luật điều chỉnh từng mặt, từng lĩnh vực cụ thể của quan hệ pháp luật dân sự.

## ***d) Các chế định cơ bản***

### **1. Tài sản và Quyền sở hữu**

- Tài sản bao gồm vật, tiền, giấy tờ có giá và các quyền tài sản.
- Quyền tài sản là quyền trị giá được bằng tiền và có thể chuyển giao trong giao dịch dân sự, kể cả quyền sở hữu trí tuệ.
- Phân loại tài sản: Bất động sản là các tài sản không di, dời được trong không gian bao gồm:

+Đất đai

+Nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất đai, kể cả các tài sản gắn liền với nhà, công trình xây dựng đó;

+Các tài sản khác gắn liền với đất đai;

+Các loại tài sản khác do pháp luật quy định

- Động sản là những tài sản không phải là bất động sản
- Quyền sở hữu là biểu hiện về mặt pháp lý của các quan hệ sở hữu. Đó là những quyền và nghĩa vụ pháp lý của các chủ sở hữu là cá nhân, pháp nhân hay các chủ thể khác trong việc chiếm hữu, sử dụng và định đoạt tài sản

+Quyền chiếm hữu: là quyền của chủ sở hữu tự mình nắm giữ hoặc quản lý tài sản thuộc sở hữu của mình

+Quyền định đoạt: là quyền của chủ sở hữu tự mình định đoạt tài sản thông qua việc chuyển giao quyền sở hữu của mình cho người khác hoặc từ bỏ quyền sở hữu đó

+Quyền sử dụng: là quyền của chủ sở hữu tự mình khai thác công dụng, hưởng hoa lợi hoặc lợi tức có được từ tài sản

### **• 2. Thừa kế**

- Thừa kế là quan hệ xã hội về việc chuyển giao di sản của người chết cho những người sống
- Người để lại di sản thừa kế: Là người mà sau khi chết có tài sản để lại cho người khác theo trình tự thừa kế
- Di sản thừa kế: Bao gồm những tài sản riêng và phần tài sản của người chết trong khối tài sản chung đối với người khác trong đó bao gồm cả những quyền về tài sản của người chết
- Người thừa kế

+Cá nhân: còn sống vào thời điểm mở thừa kế hoặc sinh ra và còn sống sau thời điểm mở thừa kế nhưng đã thành thai trước khi người để lại di sản thừa kế chết

+Tổ chức: tồn tại vào thời điểm mở thừa kế

+Người thừa kế nhận di sản của người chết thì phải thực hiện những nghĩa vụ của người chết để lại

- Thời điểm mở thừa kế: Thời điểm người có tài sản để lại chết
- Địa điểm mở thừa kế: Nơi cư trú cuối cùng của người để lại di sản hoặc nơi có toàn bộ hoặc phần lớn di sản thừa kế nếu không xác định được nơi cư trú cuối cùng

Thừa kế theo di chúc	<ul style="list-style-type: none"> <li>là việc chuyển di sản của người chết cho người sống bằng chính sự định đoạt của người có di sản theo di chúc được lập ra khi họ còn sống.</li> <li>Di chúc là sự thể hiện ý chí của cá nhân nhằm chuyển tài sản của mình cho người khác sau khi chết</li> <li>Di chúc hợp pháp phải đảm bảo các điều kiện về: <ul style="list-style-type: none"> <li>+Người lập di chúc</li> <li>+Nội dung di chúc</li> <li>+Hình thức di chúc</li> </ul> </li> </ul>
Thừa kế theo pháp luật	<ul style="list-style-type: none"> <li>là thừa kế theo hàng thừa kế, điều kiện và trình tự thừa kế do pháp luật quy định.</li> <li>Áp dụng trong trường hợp: <ul style="list-style-type: none"> <li>+Ko có di chúc hoặc di chúc ko có hiệu lực</li> <li>+Người được chỉ định hưởng thừa kế trong di chúc chết trước, bị tước quyền thừa kế hoặc khước từ hưởng thừa kế</li> </ul> </li> <li>Diện thừa kế là phạm vi những người có quyền hưởng thừa kế xác định theo quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống và quan hệ nuôi dưỡng giữa người thừa kế với người để lại thừa kế.</li> <li>Hàng thừa kế thể hiện thứ tự được hưởng di sản của những người thừa kế được pháp luật quy định thành 3 hàng. <ul style="list-style-type: none"> <li>+Hàng thứ nhất: vợ, chồng, bố mẹ đẻ, bố mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi</li> <li>+Hàng thứ 2: Ông bà nội ngoại, anh chị em ruột, cháu ruột nếu người chết là ông bà nội ngoại</li> <li>+Hàng thứ 3: cụ nội ngoại, bác, chú, cô dì, cậu, cháu ruột, chất ruột</li> </ul> </li> </ul>
Nguyên tắc chia di sản (thừa kế theo pháp luật)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau</li> <li>Những người ở hàng thừa kế sau chỉ được hưởng thừa kế nếu ko còn ai ở hàng thừa kế trước, ko có quyền hưởng di sản. bị tước quyền hưởng di sản hoặc từ chối nhận di sản</li> </ul>
Thừa kế thế vị	Được áp dụng trong trường hợp con của người để lại di sản chết trước người để lại di sản thì cháu được hưởng phần di sản mà cha hoặc mẹ của cháu được hưởng nếu còn sống
Thừa kế ko phụ thuộc di chúc	Con chưa thành niên, cha, mẹ, vợ, chồng hoặc con đã thành niên nhưng ko có khả năng lao động của người lập di chúc được hưởng phần di sản bằng 2/3 suất của 1 người thừa kế theo pháp luật nếu di sản được chia theo pháp luật trong trường hợp họ ko được người lập di chúc cho hưởng di sản hoặc chỉ được hưởng phần di sản ít hơn 2/3 suất đó.



## 2. Ngành luật Hình sự

### a) *Khái niệm*

- Luật hình sự là tổng thể các quy phạm pháp luật quy định những hành vi nguy hiểm cho xã hội bị coi là tội phạm, đồng thời quy định những hình phạt tương ứng và điều kiện áp dụng các hình phạt đó
- Đối tượng điều chỉnh: các quan hệ xã hội phát sinh giữa nhà nước và người phạm tội, khi người đó thực hiện hành vi mà nhà nước quy định là tội phạm
- Phương pháp điều chỉnh: quyền uy

### b) *Các chế định cơ bản*

#### 1. Tội phạm

- là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tự do, tài sản, các quyền, lợi ích hợp pháp khác của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa

Tội phạm ít nghiêm trọng: là tội phạm gây nguy hại ko lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến 3 năm tù

Tội phạm Nghiêm trọng: là tội phạm gây nguy hại lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến 7 năm tù

Tội phạm rất nghiêm trọng: là tội phạm gây nguy hại rất lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến 15 năm tù

Tội phạm đặc biệt nghiêm trọng: là tội phạm gây nguy hại đặc biệt lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là trên 15 năm tù, tù chung thân hoặc tử hình.

#### 2. Hình phạt

- là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của nhà nước nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người phạm tội
- Hình phạt chính: cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo ko giam giữ, trục xuất, tù có thời hạn, tù chung thân, tử hình
- Hình phạt bổ sung: cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; cấm cư trú; quản chế; tước một số quyền công dân; tịch thu tài sản; phạt tiền, khi ko áp dụng hình phạt chính; trục xuất, khi ko áp dụng hình phạt chính.